TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 11 -2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Thạch Khêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/9/2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 15/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Sơn Thị S**, sinh năm 1973, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Thạch N**, sinh năm 1968, vắng mặt không có lý do;

Cư trú tại: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị S trình bày:

Vào ngày 09/3/1990, chị S có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Thạch N, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Thạch Thị Ngọc D, sinh ngày 07/02/1991 đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian sống chung, anh N có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã hết duyên hết nợ tuy sống chung một nhà nhưng công

việc ai người nấy làm, không ai lo lắng cho ai, bỏ mặt nhau trong cuộc sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay.

Nay chị Sơn Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch N.

Về con chung: Thạch Thị Ngọc D, sinh ngày 07/02/1991 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chị Sơn Thị S yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sơn Thị S đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô).

Đối với bị đơn anh Thạch N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Thạch N nhưng anh Thạch N không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Thạch N được, anh Thạch N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tống đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là*"Tranh chấp ly hôn"*. Bị đơn anh Thạch N cư trú tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Chị Sơn Thị S vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Thạch N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị S và anh Thạch N sống chung với nhau vào ngày 09/3/1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời chung sống, anh chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị S cương quyết xin ly hôn với anh Thạch N. Chị S xác định tình cảm giữa chị và anh N không còn, anh N có hành vi bạo lực đối với chị, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Anh Thạch N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Xét thấy, chị Sơn Thị S và anh Thạch N xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn

là không đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sơn Thị S và anh Thạch N.

[3] Về con chung: Thạch Thị Ngọc D, sinh ngày 07/02/1991, đã thành niên. Chị Sơn Thị S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Sơn Thị S khai đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Sơn Thị S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sơn Thị S và anh Thạch N.

2. Về con chung: Thạch Thị Ngọc D, sinh ngày 07/02/1991, đã thành niên. Chị Sơn Thị S không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Sơn Thị S khai đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Sơn Thị S khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Sơn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004646, ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Sơn Thị S đã nộp đủ án phí, anh Thạch N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Sơn Thị S, anh Thạch N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh